

**Lớp Phật Pháp Buddhadhamma**

**Môn học: PĀLI PHÁP CÚ**

**Bài học chủ nhật 25.2.2024**

---

**XVIII**

**Phẩm Uế Nhiễm**

**(Malavagga)**

**XVIII. Phẩm Uế Nhiễm\_Kệ số 18 (dhp 252)**

**Chánh văn:**

**18. Sudassaṃ vajjaṃ aññesaṃ  
attano pana duddasaṃ  
paresaṃ hi so vajjāni  
opuṇāti yathā bhusaṃ  
attano pana chādeti  
kaliṃ' va kitavā saṭho.  
(dhp 252)**

**Chuyển văn:**

*18. Aññesaṃ vajjaṃ sudassaṃ attano pana duddasaṃ hi so paresaṃ  
vajjāni yathā bhusaṃ opuṇāti kaliṃ' va kitavā saṭho attano pana chādeti.*

## **Thích văn:**

**Sudassam** [chủ cách, số ít, trung tính, hợp thể tính từ **sudassa** (**su** + **dassa**)] dễ thấy, dễ nhìn thấy.

**Vajjam** [chủ cách, số ít, trung tính, danh từ **vajja**] lỗi lầm, “điều cần phải tránh”.

**Aññesam** [ sở thuộc cách, số nhiều, nam tính, phiếm chỉ đại từ **añña**] khác, cái khác, người khác.

**Attano** [sở thuộc cách, số ít, nam tính, danh từ biệt ngữ **atta**] của ta, của mình.

**Duddasam** [chủ cách, số ít, trung tính, hợp thể tính từ **duddasa** (**du** + **dasa**)] khó thấy, khó nhìn thấy.

**Paresam** [sở thuộc cách, số nhiều, nam tính, phiếm chỉ đại từ **para**] khác, cái khác, người khác, = **aññesam**.

**Hi** [bất biến từ] bởi lẽ, vì thế.

**So** [chủ cách, số ít, nam tính, chỉ thị đại từ **ta**] nó, người ấy.

**Vajjāni** [đôi cách, số nhiều, trung tính, danh từ **vajja**] các khuyết điểm, các lỗi lầm.

**Opunāti** [động từ hiện tại\_ tiến hành cách “**ava** +  $\sqrt{\text{pu}}$  + **ṇā**”, ngôi III, số ít] sàng sảy, sàng lọc, lựa ra.

**Yathā** [trạng từ] như, cũng như.

**Bhusam** [đôi cách, số ít, trung tính, danh từ **bhusa**] vỏ lúa, trấu.

**Chādeti** [động từ hiện tại\_ tiến hành cách “ $\sqrt{\text{chad}}$  + **ṇe**”, ngôi III, số ít] che đậy, che giấu.

**Kalim** [đôi cách, số ít, nam tính, danh từ **kali**] điều lỗi lầm, thân tội lỗi.

‘va [iva. Bất biến từ tử giáo] ví như.

**Kitavā** (nữ tính) = **kitavo** (nam tính) [chủ cách, số ít] sự nguy trang.

**Saṭho** [chủ cách, số ít, nam tính từ, danh từ **saṭha**] sự gian xảo, kẻ gian. Trong bài kệ này, có nghĩa là “người bầy chim” (**Sākuṇiko saṭho nāma**).

**Việt văn:**

18. Lỗi người khác dễ thấy,  
lỗi của mình khó thấy  
lỗi người thì bươi móc  
như sàng sảy trấu gạo  
lỗi mình thì che giấu  
như thợ săn nguy trang.  
(pc 252)

**Diễn nghĩa:**

18. Lỗi của người khác thì dễ thấy, còn lỗi mình thì khó thấy. Thật vậy, người ta thường phan phui những lỗi của kẻ khác như thể sàng sảy trấu (trong gạo); nhưng lại che giấu lỗi lầm của mình như người bầy chim nguy trang ẩn thân.

**Duyên sự:**

Bài kệ này đức Phật thuyết khi Ngài trú tại rừng Jāṭiyā, gần thành Bhaddiyā, để tiếp độ gia đình trưởng giả Meṇḍaka.

Trong khi đức Thế Tôn du hành trong xứ Aṅguttarāpa, Ngài thấy duyên lành chứng quả dự lưu của một gia đình trưởng giả, gồm gia chủ Meṇḍaka, vợ ông ta Candapadumā, con trai là Dhanañcaya, con dâu là Sumanadevī, đứa cháu nội là Visākhā, và đứa đầy tớ là Puṇṇa. Đức Thế Tôn liền đi đến kinh thành Bhaddiya và trú tại khu rừng Jāṭiyā.

Ông trưởng giả Meṇḍaka nghe tin đức Phật đến xứ Aṅga, đang trú tại khu rừng Jāṭiyā gần kinh thành Bhaddiya nơi ông ở, bèn đi đến viếng thăm Ngài và thỉnh về nhà.

Trên đường đi, trưởng giả Meṇḍaka gặp các ngoại đạo sư ngăn cản ông đừng đi đến đức Phật. Họ nói: “Này gia chủ, ông là người theo chủ thuyết hành động

(kiriya-vādo) sao lại đi đến sa môn Gotama người có chủ thuyết không hành động (Akiriya-vādo)? [Ngoại đạo chỉ trích đức Phật chủ trương thuyết vô hành vì Ngài không chấp nhận bản ngã hay linh hồn tạo tác, Ngài thuyết các pháp là vô ngã].

Mặc dù bị ngoại đạo sư ngăn cản, nhưng trưởng giả Menḍaka không đếm xỉa lời nói của họ, ông vẫn đi đến viếng đức Phật và thỉnh Ngài về nhà cúng dường.

Khi đức Thế Tôn thọ thực xong, trưởng giả Menḍaka và các thành viên trong gia đình ngồi lại để nghe bậc Đạo sư thuyết pháp.

Đức Thế Tôn đã thuyết tuần tự pháp (Anupubbīkathā) như bố thí, trì giới, cõi trời, sự nguy hại của các dục, lợi ích của xuất ly. Dứt pháp thoại, các thành viên trong gia đình ông Menḍaka đã chứng đắc thành quả Tu đà huàn.

Trưởng giả Menḍaka sau khi đắc thánh quả đã kể lại cho đức Phật nghe ông bị chặn đường ngăn cản không cho đi đến thỉnh Phật, với luận điệu xuyên tạc giáo thuyết của Ngài. Đức Phật nghe xong bèn dạy “Này gia chủ, những chúng sanh đó không thấy lỗi lầm của mình, chỉ tìm lỗi của người khác dù không có cũng bươi móc cho có như tìm thóc trong gạo vậy”. Rồi Ngài nói lên bài kệ: Sudassaṃ vajjamaññesaṃ...v.v...kalim’ va kitavā saṭṭho’ ti.

### **Lý giải:**

Lỗi của người khác thì dễ thấy (Aññesaṃ vajjamaññesaṃ), bởi thường tình thế gian bản chất đố kỵ và bòn xén (Issāmacchariya). Đố kỵ khi người khác được khen, được thành công, được lợi đắc...Bòn xén kiếm lời tán thán khen ngợi ưu điểm của người khác. Bởi thế người ta chỉ muốn thấy khuyết điểm, lỗi lầm của người khác để bôi nhọ, bêu xấu, hạ bệ người khác; Khi đã có ý xấu như vậy thì người khác có khuyết điểm gì, nó cũng thấy liền, hoặc người khác không có khuyết điểm gì, nó cũng tạo ra khuyết điểm để chỉ trích, như những kẻ ngoại đạo tạo ra khuyết điểm cho đức Phật để chúng công kích.

Và khi muốn bôi nhọ người khác, nó tìm kiếm, phanh phui khuyết điểm lỗi lầm như người sàng gạo tìm nhặt ra những hạt thóc vậy. Đồng nghĩa với thí dụ này có câu “Bới lông tìm vết”.

Lỗi của mình thì khó thấy (attano vajjamaññesaṃ), bởi con người phạm tục thường tự tán huỷ tha (khen mình chê người), luôn cho mình là tốt, là đúng. Do bản chất đó người ta không nhìn thấy cái khuyết điểm bản thân, không nhìn nhận lỗi lầm của mình.

Và người ta thường bưng bít che giấu lỗi lầm của mình như tay thợ săn qui quyết nguy trang giấu mình bằng lá cây để tiếp cận con mồi.

Có bản dịch, dịch câu “Kalim’ va kitavā saṭho”, là “Như kẻ đánh bài gian lận giấu lá bài xấu”.

Nhưng trong bản chú giải pháp cú, giải thích: Ettha saṅgheṣu aparajjhanabhāvena attabhāvo kali nāma, gọi là “kali” ám chỉ bản thân bởi bóng người là nỗi sợ hãi đối với muông thú. Sākhahaṅgādikaṃ paṭicchādanam kitavā nāma, gọi là “kitavā” ám chỉ sự nguy trang, lấy cành lá chằng hạn che đậy kín đáo. Sākuṇiko saṭho nāma, gọi là “saṭho” ám chỉ người săn chim. Như vậy đã quá rõ ý nghĩa.

***Tỳ kheo Tuệ Siêu biên soạn.***